

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ- ST

Ngày 19-3-2026

“*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đông Văn Diện**

2. Ông **Nguyễn Văn Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy T, sinh ngày 08/7/1998; Số căn cước công dân: 024088004960; địa chỉ: Thôn Q, xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh ngày 27/02/1991; Số căn cước công dân: 024191007156; địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Ngô Thị H có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/12/2020 tại UBND xã T, huyện H (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Sau khi kết hôn, anh chị về ở với nhau ngay tại nhà đẻ của anh tại thôn Q. Vợ chồng anh chị có một khoảng thời gian vui vẻ, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì.

Đến khoảng tháng 6 năm 2025, anh chị bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có phát sinh quan hệ tình cảm với người khác, mặc dù anh đã đề cho chị H nhận sai, sửa sai nhưng chị H không có chuyển biến. Anh nhiều lần nói chuyện, khuyên ngăn nhưng chị H không thay đổi, vẫn tiếp tục duy trì quan hệ bất chính với người đàn ông khác.

Anh chị mâu thuẫn được khoảng 1 vài tuần thì chị H bỏ về nhà đẻ tại thôn C, xã M sinh sống từ đó đến nay. Nhiều lần anh có khuyên chị H quay về nhưng chị H không chịu quay về đoàn tụ với anh và con.

Gia đình hai bên cũng tác động cho anh chị đoàn tụ, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị không thể có tiếng nói chung được nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho anh chị.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 25/8/2021. Hiện nay cháu T1 đang ở với anh, chị H không thăm nom, động viên con nên sau khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp*: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra anh Nguyễn Duy T không trình bày gì thêm.

* Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Ngô Thị H, nhưng chị Ngô Thị H không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

* *Tòa án tiến hành làm việc, xác minh với ông Ngô Văn D, là bố đẻ của chị H, ông D có ý kiến như sau*:

Anh T và chị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2020. Sau khi kết hôn, anh T và chị H về ở với nhau tại nhà đẻ của anh T tại huyện H. Thời gian đầu hai anh chị chung sống vui vẻ hạnh phúc.

Đến khoảng năm 2025, anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có phát sinh ghen tuông với chị H, nghi ngờ chị H. Cụ thể mâu thuẫn như nào thì ông không biết. Tuy nhiên, ông được biết là có việc anh T xô xát và đe dọa chị H.

Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì chị H có về nhà ông ở thôn C sinh sống đến nay. Nhiều lần anh T cũng xuống nhà ông để bảo chị H quay về nhưng ông thấy anh T nhiều lần đe dọa chị H nên ông không đồng ý. Chị H cũng không muốn quay về đoàn tụ với anh T nữa. Nay anh T đề nghị ly hôn thì chị H có thông tin lại là đồng ý ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 25/8/2021. Hiện nay con chung đang ở với anh T, sau ly hôn ông đề nghị giao con chung cho anh T chăm sóc.

Về tài sản chung: Ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông Ngô Văn D không còn ý kiến nào khác.

- Ngày 19 tháng 12 năm 2025, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Ngô Thị H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 23 tháng 01 năm 2026, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Ngô Thị H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Tại phiên tòa ngày 27 tháng 02 năm 2026, anh Nguyễn Duy T có mặt, chị Ngô Thị H được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa ngày 19 tháng 3 năm 2026, anh Nguyễn Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ngô Thị H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật

tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Ngô Thị H.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 25/8/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Nguyễn Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là chị Ngô Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Duy T và chị Ngô Thị H theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị H có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Duy T có đơn xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với chị Ngô Thị H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[4] Về nội dung:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Duy T và chị Ngô Thị H có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2020 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã H, tỉnh Bắc Ninh). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị về ở với nhau ngay tại nhà đẻ của anh T tại xã H, tỉnh Bắc Ninh và có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6 năm 2025, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do chị H có phát sinh quan hệ tình cảm với người khác, mặc dù anh đã để cho chị H nhận sai, sửa sai nhưng chị H không có chuyển biến. Anh nhiều lần nói chuyện, khuyên ngăn nhưng chị H không thay đổi.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống anh Nguyễn Duy T và chị Ngô Thị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 25/8/2021. Anh T đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T1.

Xét thấy: Đề nghị của anh Nguyễn Duy T phù hợp pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội. Hiện nay, con chung đang ở với anh T, anh T đề nghị được giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao con chung là Nguyễn Thị Bảo T1 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Nguyễn Duy T và chị Ngô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 25/8/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001851 ngày 16/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu HS, VP./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh